

Quan hệ Việt - Mỹ: từ bình thường hóa đến đối tác toàn diện – một cách nhìn

• **Nguyễn Ngọc Dung**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Trong 20 năm qua, kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ ngoại giao, quan hệ Việt - Mỹ đã không ngừng tăng cường và mở rộng, dựa trên những song trùng về lợi ích quốc gia và mang tính chiến lược lâu dài. Bên cạnh những thành tựu to lớn về hợp tác kinh tế - thương mại, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, giải quyết hậu quả chiến tranh, thì hợp tác an ninh - quốc phòng giữa hai nước trong những năm qua đạt được nhiều tiến bộ.

Bài viết chọn lọc những nét nổi bật trong quan hệ Việt - Mỹ hai mươi năm qua, đặc biệt chú ý đến nguyên nhân và động lực thúc đẩy sự chuyển biến trong quan hệ giữa hai nước về lĩnh vực an ninh - quốc phòng, sự nhận thức đầy đủ hơn về tương đồng lợi ích chiến lược giữa hai dân tộc trong điều kiện quốc tế thay đổi phức tạp.

Từ khóa: quan hệ Việt - Mỹ, bình thường hóa quan hệ ngoại giao, hợp tác quân sự, vấn đề Biển Đông, POW/MIA

Dẫn nhập

Sự chấm dứt chiến tranh Lạnh đã tạo ra khuôn khổ mới cho quan hệ quốc tế song phương và đa phương, trong đó có quan hệ Việt - Mỹ. Từ nhu cầu bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước, tháng 4 năm 1991, phía Mỹ đưa ra Bản lộ trình (Roadmap) bốn giai đoạn để hai bên thực hiện. Nội dung của bản lộ trình này gắn liền với việc giải quyết “vấn đề Campuchia” và POW/MIA (prisoner of war/missing in action) cũng như từng bước Mỹ nói lòng việc bao vây cấm vận Việt Nam¹. Tuy nhiên, đã đến lúc chính sách cấm vận Việt Nam của Mỹ trở nên lỗi thời bởi sức ép của quốc tế cũng như của giới kinh doanh trong nước muốn làm ăn với Việt Nam; đặc biệt, khi Nhật Bản – một đồng minh thân cận của Mỹ đã đơn phương nổi lại viện trợ cho

Việt Nam từ đầu năm 1992 sau mười bốn năm gián đoạn bởi “vấn đề Campuchia”.

Tháng 1/1993, từ khi bước vào Nhà trắng, Tổng thống Mỹ Bill Clinton đã thúc đẩy nhanh hơn tiến trình bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Ông lần lượt tuyên bố (vào tháng 7/1993) rằng, Mỹ không còn phản đối việc các nước trong cộng đồng quốc tế hỗ trợ Việt Nam trả nợ IMF (Quỹ Tiền tệ Quốc tế) các khoản nợ quá hạn; Mỹ sẽ nói lòng thêm lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam (tháng 9/1993), chính thức bãi bỏ lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam và đồng ý mở cơ quan liên lạc giữa hai nước (tháng 2/1994). Những động thái trên đây của chính phủ Mỹ, kết cục phải dẫn đến việc xây dựng quan hệ bình thường, hợp tác giữa hai nước sau chiến tranh.

Ngày 11/7/1995 Tổng thống Bill Clinton đã tuyên bố Mỹ chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Phía Việt Nam cho rằng, đây là một quyết định quan trọng “*phù hợp với xu*

¹ Robert G. Sutter, *Quan hệ Việt - Mỹ: cuộc thảo luận về bình thường hóa* (trong t/c *Dịch vụ nghiên cứu* ngày 12/5/1992 của Quốc hội Mỹ. Tài liệu tham khảo TTXVN, *Quan hệ Việt - Mỹ*, số 7/1993, tr. 4-6.

thế phát triển hiện nay của tình hình quốc tế, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, ổn định và phát triển ở Đông Nam Á cũng như trên thế giới”². Quyết định này cũng phản ánh nguyện vọng của đông đảo người dân Mỹ muốn quên đi “hội chứng chiến tranh Việt Nam”, chấm dứt những bất đồng chia rẽ trong xã hội Mỹ.

Kể từ khi bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ đến nay, hợp tác song phương này được mở rộng một cách vững chắc, không chỉ trong lĩnh vực chính trị-ngoại giao, kinh tế-thương mại, mà cả trong lĩnh vực an ninh-quốc phòng, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ...

Bài viết chọn lọc những nét nổi bật trong quan hệ Việt - Mỹ hai mươi năm qua, đặc biệt chú ý đến nguyên nhân và động lực thúc đẩy sự chuyển biến trong quan hệ giữa hai nước về lĩnh vực an ninh - quốc phòng, sự nhận thức đầy đủ hơn về tương đồng lợi ích chiến lược giữa hai dân tộc trong điều kiện quốc tế nhiều thay đổi.

1. Hợp tác Việt - Mỹ và những trở lực trong quan hệ giữa hai nước, giai đoạn 1995-2000

Việc hai nước tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao mở màn cho việc thiết lập các mối quan hệ, hợp tác đôi bên trên thực tiễn. Bước đi tiếp theo của quá trình này là chuyến viếng thăm Việt Nam của Ngoại trưởng Mỹ W. Christopher từ ngày 5-7/8/1995; cho thấy người Mỹ đã nghĩ về Việt Nam với tư cách là một đất nước chứ không phải một cuộc chiến tranh³. Sự mệnh quan trọng của ông W. Christopher trong chuyến công du này là chủ trì lễ khai trương tòa đại sứ Mỹ tại Hà Nội và bàn bạc với phía Việt Nam vấn đề POW/MIA. Đến tháng 10 cùng năm, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm đã có chuyến thăm đáp lễ tại Washington.

Trong các cuộc trao đổi, nếu như phía Mỹ thường nhấn mạnh đến ưu tiên hàng đầu của họ là

giải quyết vấn đề MIA thì phía Việt Nam lại đề nghị việc thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại song phương, còn MIA đối với phía Việt Nam chỉ là vấn đề nhân đạo. Các vấn đề như “nhân quyền” và “dân chủ” luôn tạo ra khoảng cách giữa Washington và Hà Nội. Trong năm 1996, Cục điều tra Liên bang Mỹ (FBI) còn có hành động thô bạo là yêu cầu Việt kiều sinh sống tại Mỹ có nghĩa vụ khai báo những người bị tình nghi làm gián điệp cho Hà Nội. Vụ việc này gây nên sự phản đối từ phía Việt Nam và sự bất bình từ chính dư luận Mỹ⁴. Có thể nói giai đoạn này, niềm tin chính trị của Mỹ đối với Việt Nam còn ở vạch thấp nhất. Phải mất gần hai năm, kể từ khi Tổng thống Mỹ B.Clinton tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao Mỹ - Việt, tháng 5/1997, hai bên mới cử được đại sứ đến công tác ở nước sở tại.

Tuy vậy, trong thời gian nhiệm kỳ hai (1997-2001) của Tổng thống B.Clinton, quan hệ chính trị - ngoại giao đôi bên tiếp tục được cải thiện. Trong chuyến thăm Việt Nam của tân Ngoại trưởng Mỹ, bà M. Albright tháng 6/1997, phía Mỹ đã khẳng định quyết tâm “*vượt qua khác biệt trong quá khứ, cùng nhau tiến về phía trước, hướng đến tương lai*”, “*thực thi các nỗ lực để thúc đẩy quan hệ thương mại song phương*”. Đáp lại, tháng 10/1998, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm đã sang thăm Mỹ. Ông phát biểu rằng, Mỹ là cường quốc có nhiều tiềm năng to lớn về kinh tế, khoa học, kỹ thuật, công nghệ và vốn; rằng Việt Nam rất coi trọng việc xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài, nhiều mặt với Mỹ⁵.

Chuyến thăm Việt Nam được xem là “lịch sử” của Tổng thống Mỹ B. Clinton tháng 11/2000 đã đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ Việt Mỹ, theo chiều sâu. Trước đó, tháng 7/2000, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ đã được ký kết, có tác động thúc đẩy các hoạt động hợp tác kinh tế và

² Tuyên bố của thủ tướng Võ Văn Kiệt về việc tổng thống B Clinton quyết định bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, *t/c Châu Mỹ ngày nay*, số 2/1995, tr. 4-5.

³ TTXVN, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 197, ngày 10/8/1995, tr. 3-4.

⁴ Thư của thượng nghị sỹ Mỹ J.B Johnston gửi giám đốc Cục điều tra Liên bang Mỹ, ngày 11/3/1996; dẫn theo *Tuần báo Quốc tế*, số 14, từ 3-9/4/1996.

⁵ Báo Nhân Dân, ngày 9/10/1998.

thương mại đôi bên – lĩnh vực hợp tác quan trọng nhất trong quan hệ giữa hai nước như chúng ta sẽ thấy ở giai đoạn sau.

Việc khai thông quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước giúp cho quan hệ kinh tế - thương mại đôi bên gia tăng tương ứng. Một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với lĩnh vực này là việc khai trương Văn phòng thương mại Mỹ tại Hà Nội, tháng 4/1996, nhân chuyến thăm Việt Nam của Thứ trưởng Bộ thương mại Mỹ T. Hauser. Số liệu thống kê cho thấy vào thời điểm này mới chỉ có khoảng 140 công ty Mỹ mở văn phòng đại diện tại Việt Nam; Mỹ đứng hàng thứ sáu trong số các quốc gia, lãnh thổ đầu tư tại đây, với số vốn khoảng 1,1 tỷ USD⁶. Đến năm 1998, khoảng 500 công ty Mỹ kinh doanh tại Việt dưới những hình thức khác nhau; 70 dự án đầu tư của họ tại Việt Nam với số vốn 1,4 tỷ USD⁷. Nhìn chung, quan hệ kinh tế - thương mại Việt - Mỹ giai đoạn này phát triển khá chậm chạp, do phía Mỹ vẫn còn duy trì nhiều rào cản. Tháng 3/1998, Nhà trắng quyết định hủy bỏ việc áp dụng Điều luật sửa đổi Jackson - Vanik đối với Việt Nam – một sự khai thông cần thiết trên con đường tiến tới một hiệp định thương mại giữa hai nước.

Tuy vậy, việc hai bên ký kết được một hiệp định thương mại là cả một quá trình gay go phức tạp. Qua chín vòng đàm phán trong 3 năm (1996-1999) với rất nhiều cuộc tiếp xúc, gặp gỡ trao đổi, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ chính thức được ký kết ngày 13/7/2000. Nguyên nhân dẫn đến việc chậm ký kết hiệp định này chủ yếu do những điều kiện đặc thù, khác biệt rất lớn về chế độ chính trị, thể chế kinh tế giữa Việt Nam và Mỹ.

2. Sự mở rộng hợp tác quân sự trong quan hệ Việt - Mỹ, giai đoạn 2000-2010

Việc ký Hiệp định thương mại Việt - Mỹ có vai trò đặc biệt quan trọng, làm giảm đáng kể khoảng cách đôi bên và làm gia tăng niềm tin chính trị giữa Washington và Hà Nội. Hiệp định thương mại Việt - Mỹ ra đời đã tạo nên cú hích để đôi bên tiếp tục ký

kết nhiều hiệp định quan trọng khác; như Hiệp định hợp tác về khoa học và công nghệ (có hiệu lực từ ngày 26/3/2001), Hiệp định dệt-may (có hiệu lực từ 1/5/2003), Hiệp định hàng không (có hiệu lực từ 14/1/2004); Hiệp định khung hợp tác về kinh tế và kỹ thuật, Bản ghi nhớ hợp tác về nông nghiệp (ký tháng 6/2005). Tiến xa hơn, tháng 5/2006 hai nước đã ký Thỏa thuận chính thức kết thúc đàm phán song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ kinh tế - thương mại đôi bên.

Sau chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Bill Clinton, hai nước tiếp tục trao đổi nhiều chuyến thăm viếng cấp cao khác, đặc biệt là các cuộc trao đổi của các tướng lĩnh quân sự.

Có lẽ, ý tưởng hợp tác quân sự Việt - Mỹ xuất hiện ngay từ chuyến viếng thăm (tháng 7/1996) của Tiến sỹ Althony Lake – Cố vấn An ninh Quốc gia của Tổng thống Bill Clinton. Trong các cuộc tiếp xúc và hội đàm với phía Việt Nam, ông đã nói rõ quan điểm của phía Mỹ là “*Hoa Kỳ muốn thấy một Việt Nam mạnh và ổn định, ngày càng hội nhập với các thể chế khu vực và quốc tế, đồng thời Hoa Kỳ muốn thúc đẩy quan hệ với Việt Nam về những lợi ích chiến lược lâu dài*”⁸. Ông cũng nhắc đến vấn đề hợp tác quân sự khởi đầu ở cấp tùy viên giữa hai bên. Trong năm 1997, Đô đốc J. Prueber – Tư lệnh quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương đã đến thăm Việt Nam; sau đó một phái đoàn các sỹ quan cao cấp Cục đối ngoại Bộ quốc phòng Việt Nam cũng sang thăm Mỹ. Cũng nên nhớ rằng, trong những năm đầu sau bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ, giới quân sự hai bên thường chia sẻ mối quan tâm giống nhau về tình hình an ninh khu vực, mong muốn thúc đẩy các hợp tác quân sự song phương; trong khi nhiều nhà lãnh đạo Việt Nam lại cho rằng quan hệ Việt - Mỹ không nên chú trọng về quân sự, mà chủ yếu dựa trên các quan hệ kinh tế - thương mại; vấn đề

⁶ Báo Tuổi Trẻ, ngày 2/4/1996.

⁷ Ngoại giao Việt Nam, CTQG, HN. 2002, tr. 354.

⁸ Tuần báo quốc tế, số 29, từ 17-23/7/1996.

Bảng 1. Khoản tài trợ Chương trình giáo dục, huấn luyện quân sự quốc tế (IMET) của Mỹ cho Việt Nam từ năm 2005-2012.

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Số tiền (nghìn USD)	50	49	274	181	191	400	476	611

(Nguồn: Security Cooperation Agency, U.S Department of Defense, “Foreign Military Sales, Foreign Military Construction Sales and Other Security Cooperation Historical Facts: As of September 30, 2012”)

hợp tác quân sự chỉ có thể ở tương lai¹. Nhưng sự chuyển biến của tình hình quốc tế, khu vực lúc bấy giờ đã như chất xúc tác giúp cho các hoạt động hợp tác quân sự Việt - Mỹ tăng tốc. Tháng 3/2000, Bộ trưởng quốc phòng Mỹ Cohen thăm Việt Nam. Đáp lại, Bộ trưởng quốc phòng Việt Nam Phạm Văn Trà đã thăm Mỹ vào tháng 11 năm đó.

Tháng 6/2005, Thủ tướng Phan Văn Khải đã có chuyến thăm chính thức tại Washington. Trong chuyến viếng thăm này, hai bên đã ký kết một số hiệp định hợp tác trong lĩnh vực quân sự và tình báo; sau đó phía Mỹ cũng tiến tới ký kết với Việt Nam một hiệp định về giáo dục và huấn luyện quân sự quốc tế (IMET)². Tháng 6/2006, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, D. Rumsfeld thăm Việt Nam, phía Mỹ bắt đầu cho phép một số công ty Mỹ cung cấp thiết bị quân sự hạn chế cho Việt Nam; tuy vậy, lệnh cấm bán vũ khí sát thương vẫn được duy trì³. Từ năm 2003, hàng năm tàu hải quân Mỹ thăm hữu nghị cảng Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác song phương.

Trong năm 2008, sau chuyến đi Mỹ của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, hai bên đã tiến hành cuộc đối thoại song phương đầu tiên về chính trị - an ninh - quốc phòng (PSDD) cấp thứ trưởng tại Hà Nội⁴.

Năm 2010, cuộc đối thoại về chính sách quốc phòng Việt - Mỹ (Defense Policy Dialogue – DPD)

cấp thứ trưởng hàng năm, đầu tiên được tổ chức tại Washington. Năm sau (2011), hai bên đã ký tại DPD lần thứ hai một Bản ghi nhớ tăng cường hợp tác quốc phòng song phương, trong đó xác lập 5 khu vực hợp tác cụ thể: (1) đối thoại thường xuyên ở cấp cao, (2) vấn đề an ninh hàng hải, (3) vấn đề tìm kiếm cứu hộ, (4) vấn đề hỗ trợ nhân đạo và ứng cứu thiên tai, (5) vấn đề gìn giữ hòa bình; hai bên cũng thống nhất cứ 3 năm một lần trao đổi các chuyến viếng thăm của hai Bộ trưởng quốc phòng⁵. Con đường hợp tác an ninh - quốc phòng đôi bên cơ bản đã được khơi thông.

Như vậy, sự thiết lập và mở rộng mối quan hệ hợp tác quân sự giữa hai nước cho thấy có sự tương đồng về lợi ích chiến lược giữa Việt Nam và Mỹ; chứng tỏ Việt Nam đã tiến một bước dài quan trọng trên bước đường thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ của mình sau khoảng 5 năm bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ. Điều đó cho thấy không chỉ các tướng lĩnh quân sự, mà còn cả những chính trị gia Việt Nam đã ngày càng thống nhất trong nhận thức về tiềm năng và giới hạn (limits) của mối quan hệ song phương này. Thực tế là các giới hạn đã dần dần bị đẩy xa, tương ứng với mức độ tin cậy và hiểu biết lẫn nhau giữa Washington và Hà nội.

3. Sự nâng cấp quan hệ Việt - Mỹ từ 2010 đến nay

Từ khi ông Barack Obama nắm chính quyền, Mỹ càng quan tâm đến khu vực Đông Nam Á, trong

¹ Murray Hiebert, Phương Nguyen, Gregory B. Poling, *A New Era in U.S – Vietnam Relation*, A Report of the CSIS Sumitro Chair for Southeast Asia Studies, June 2014, p.12.

² U.S. Embassy in Hanoi, *U.S – Vietnam Relations, chronology*

³ U.S. Embassy in Hanoi, Tlđđ.

⁴ U.S. Embassy in Hanoi, Tlđđ.

⁵ U.S Department of State, Bureau of East Asian and Pacific affairs “ *U.S Relations with Vietnam*” Facts Sheet, Feb 2014, <http://www.state.gov/r/pa/ei/bgn/4130.htm>

đó có vấn đề biển Đông. Trước sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự đe dọa về hòa bình và an ninh khu vực, ảnh hưởng đến lợi ích của Mỹ và đồng minh, chính quyền Tổng thống Obama đã thực hiện chiến lược “xoay trục” từ Đại Tây Dương sang châu Á - Thái Bình Dương. Chiến lược “xoay trục” này không chỉ thể hiện qua việc bố trí tới 60% lực lượng hải quân Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, mà còn thể hiện qua việc thành lập một tổ chức thương mại xuyên Thái Bình dương - TTP (Trans - Pacific Partnership) với 12 nước (trong đó có Việt Nam) tham gia đàm phán, nhưng không có Trung Quốc. Sáng kiến TTP của Mỹ cho thấy nước này muốn tạo ra một trạng thái địa - kinh tế mới của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, có lợi cho Mỹ và các đồng minh của họ; khẳng định vai trò nổi trội về kinh tế của Mỹ với khu vực, bên cạnh vai trò đặc biệt của họ về an ninh.

Tháng 7/2010, trong khi tham dự Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF) tại Hà nội, Ngoại trưởng Mỹ, bà Hillary Clinton đã tuyên bố rằng: *“Như mọi quốc gia khác, Mỹ có lợi ích quốc gia trong tự do thông thương hàng hải, tự do đi lại trong vùng biển chung của châu Á, và tôn trọng luật pháp quốc tế ở biển Đông. Chúng tôi [tức Mỹ] chia sẻ những lợi ích không chỉ với các nước thành viên ASEAN hoặc những bên tham dự ARF, mà còn với những quốc gia gần biển khác và cộng đồng quốc tế rộng lớn hơn. Việc chấm dứt những bất đồng ở biển Đông là vấn đề then chốt đối với sự ổn định của khu vực”*⁶. Trong chuyến thăm Việt Nam tháng 6/2012, Bộ trưởng quốc phòng Mỹ Leon Panetta, nhân vật cao cấp nhất trong giới quân sự Mỹ sau chiến tranh đã trở lại vịnh Cam Ranh, xem cảng này như một yếu tố quan trọng thúc đẩy quan hệ quốc phòng giữa hai nước. Về phía Việt Nam, Bộ trưởng Phùng Quang Thanh cũng nêu vấn đề Mỹ bãi bỏ lệnh cấm bán vũ khí sát thương cho Việt Nam⁷. Tháng 7 cùng

năm, Ngoại trưởng Mỹ, bà Hillary Clinton tiếp tục chuyến viếng thăm Việt Nam lần hai, đã đề cập một cách khá toàn diện ý tưởng thiết lập mối quan hệ đối tác toàn diện Việt - Mỹ.

Chuyến viếng thăm Mỹ tháng 7/2013 của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang là dấu mốc quan trọng, nâng cấp quan hệ Việt - Mỹ lên mức “đối tác toàn diện” (comprehensive partnership) với 9 lĩnh vực chủ yếu: (1) hợp tác chính trị – ngoại giao, (2) kinh tế và thương mại, (3) khoa học và công nghệ, (4) giáo dục, (5) môi trường và sức khỏe, (6) giải quyết hậu quả chiến tranh, (8) vấn đề nhân quyền, (9) văn hóa, du lịch, thể thao; hai bên cũng bày tỏ sự tôn trọng nền độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ chính trị của nhau⁸.

Nội dung những thỏa thuận trên đây chứng tỏ phía Mỹ đã không còn coi chế độ xã hội chủ nghĩa của Việt Nam là nhân tố cản trở sự phát triển các mối quan hệ chiến lược đôi bên; cho thấy Mỹ không còn nhìn Việt Nam (chắc hẳn cả Trung Quốc, Triều Tiên và Cu Ba nữa) như đại diện cho một hệ tư tưởng (tuy vậy, những vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” thì vẫn được phía Mỹ xem là những điều kiện để làm sâu sắc hơn quan hệ giữa hai nước). Giờ đây, có lẽ người Mỹ chỉ còn quan ngại chủ nghĩa bành trướng bá quyền hay chủ nghĩa dân tộc cực đoan mà thôi. Nhưng điều quan trọng hơn ở chỗ: đây là lời cam kết của một siêu cường, mức độ tin cậy của nó phải được thể hiện bằng hành động chứ không phải là lời nói suông. Trên thực tế, những thỏa thuận này đã được đôi bên xúc tiến khá thuận lợi. Mức ưu tiên nổi trội vẫn là hợp tác an ninh hàng hải trên biển Đông.

Việt Nam hoan nghênh vai trò gia tăng của Mỹ ở Đông Nam Á, xem đó là điều kiện đảm bảo nền hòa bình, an ninh khu vực. Cả hai phía đều khẳng định tự do hàng hải và tự do thương mại trên biển

⁶ Southeast Asia: the Reemergence of the South China Sea Issue, in East Strategic Review 2011, The National Institute for Defense Studies, Japan, 2011, pp. 20-21

⁷ U.S Department of Defense, “Joint Press Briefing with Secretary Panetta and Vietnam Minister of Defense Gen .Phung

Quang Thanh from Hanoi, Vietnam”, June 4, 2012; <http://www.defense.gov/transcripts/transcript.aspx?transcriptid=5052>.

⁸ White House, Joint Statement by President Barack Obama of the United States of America and President Trương Tấn Sang of the Socialist Republic of Vietnam, July 25, 2013; <http://www.whitehouse.gov/the-press-office/2013/07/25>.

Đông cần được gìn giữ. Cho nên, trong phiên họp DPD lần thứ ba, tháng 10/2013, hai bên đã ký kết Hiệp định hợp tác tuần tra ven biển, theo đó phía Mỹ sẽ hỗ trợ Việt Nam trong công tác huấn luyện lực lượng tuần tra ven biển. Hiệp định này rõ ràng có lợi cho cả Việt Nam và Mỹ nếu quy chiếu đến vấn đề hòa bình và an ninh trên biển Đông. Chỉ hai tháng, sau khi hai bên ký kết hiệp định trên, tháng 12/2013, Ngoại trưởng Mỹ, John Kerry đã sang thăm Việt Nam, đề nghị hai bên tăng cường hợp tác về an ninh, kinh tế cũng như quan hệ dân sự giữa hai nước. Ông thông báo gói viện trợ 18 triệu USD của chính phủ Mỹ cho phía Việt Nam nhằm phát triển lực lượng tuần tra ven biển⁹.

Việc Mỹ tăng cường quan hệ với các nước ở hạ lưu sông Mekong cũng là một dấu hiệu liên quan đến an ninh khu vực, trong điều kiện ảnh hưởng của Trung Quốc tại đây không ngừng gia tăng. Sáng kiến gặp gỡ với ngoại trưởng bốn nước (Campuchia, Lào, Thái Lan, Việt Nam; Myanmar tham dự từ 2012) hạ lưu sông Mekong do Mỹ đề xướng, bắt đầu từ năm 2009 (*Lower Mekong Initiative, LMI*) nhằm tăng cường hợp tác giữa Mỹ với các nước này trong lĩnh vực môi trường, sức khỏe, giáo dục và cơ sở hạ tầng¹⁰. Trong tháng 7/2013, 6 ngoại trưởng LMI đã họp với đại diện của Úc, Nhật Bản, Niu Di lân, Hàn Quốc, Thư ký ASEAN, Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), EU bàn thảo những vấn đề cùng quan tâm, nhất là vấn đề môi trường và nguồn nước Mekong¹¹. Tất nhiên, Việt Nam là đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, nếu như việc xây dựng các con đập trên sông Mekong tiếp tục được triển khai.

Như vậy, quan hệ Việt - Mỹ sau khi bình thường hóa đến nay, đã phát triển cả về chiều rộng và chiều

sâu với nhiều lợi ích song trùng, ngắn hạn và dài hạn. Bên cạnh những thành tựu to lớn về hợp tác kinh tế - thương mại, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, giải quyết hậu quả chiến tranh, thì hợp tác an ninh - quốc phòng giữa hai nước trong những năm qua, đã khiến nhiều người nghĩ đến *quan hệ đối tác chiến lược* Việt - Mỹ trong tương lai không xa.

4. Kết luận

- Trong 20 năm qua, kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ ngoại giao, quan hệ Việt - Mỹ đã không ngừng tăng cường và mở rộng dựa trên những song trùng về lợi ích quốc gia, và mang tính chiến lược lâu dài. Trong điều kiện tình hình thế giới thay đổi căn bản sau chiến tranh Lạnh, thì việc bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ và sự hội nhập thế giới của Việt Nam đều mang tính tất yếu như nhau. Thực tế chỉ ra rằng: 40 năm thống nhất của Việt Nam luôn luôn có yếu tố Mỹ và Trung Quốc; nhưng với Trung quốc thì mỗi ngày một phức tạp và nan giải, khó lường; còn với Mỹ thì có vẻ như ngược lại.

- Sự mở rộng và nâng cấp quan hệ Việt - Mỹ không trở ngại gì đến chính sách ngoại giao “đa phương hóa, đa dạng hóa” của Việt Nam, mà thúc đẩy lẫn nhau. Trong lịch sử hiện đại, chưa khi nào Việt Nam thể hiện được vai trò độc lập tự chủ trong chính sách đối ngoại như bây giờ. Rõ ràng, quan hệ Việt - Mỹ chính là một trong những “sức mạnh của thời đại” giúp Việt Nam vươn lên, thoát khỏi nghèo khó và tụt hậu, không lệ thuộc vào bên ngoài.

- Vấn đề biển Đông hiện nay đang thách thức chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Nhưng lập trường quan điểm của Mỹ về biển Đông là phù hợp với lợi ích quốc gia của Việt Nam và luật pháp quốc tế. Quan hệ Việt - Mỹ, vì thế cũng trở thành một bộ phận hữu cơ trong tổng thể cấu trúc an ninh biển Đông nói riêng và khu vực Đông Nam Á nói chung.

⁹ Gregory B. Polling, Phuong Nguyen, Kerry visits Vietnam and Philippines, in CSIS Critical Question, Dec. 19, 2013.

¹⁰ U.S Department of State, Bureau of East Asian and Pacific Affairs, Lower Mekong Initiative, <http://www.state.gov/p/eap/Mekong/>.

¹¹ U.S Department of State, Third Friends of the Lower Mekong Ministerial Meeting Bandar Seri Begawan, Brunei Darussalam Joint Ministerial Statement, July 1, 2013; <http://www.gov.r/pa/prs/ps/2013/07/211393.htm>.

- Có cơ sở để hy vọng vào một tương lai bền vững của mối quan hệ Việt - Mỹ trong tương lai. Đúng như lời của ông Ted Osius, đại sứ Mỹ phát biểu trong ngày 6/3/2015 tại Đại học quốc gia Hà Nội rằng, trong mối quan hệ Việt - Mỹ bây giờ thì không có điều gì là không thể, và “*Chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ sẵn sàng tiếp thêm sức mạnh cho*

Việt Nam bay cao và bay xa hơn nữa”¹². Gần đây, trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Mỹ Barack Obama 23-24/5/2016, Mỹ đã tuyên bố hủy bỏ lệnh cấm bán vũ khí sát thương cho Việt Nam – hành động này được xem là nút gỡ lớn cuối cùng cởi bỏ những trở ngại trong quan hệ Việt - Mỹ.

Vietnam-U.S. relation: from normalization to comprehensive Partnership - an overview

• **Nguyen Ngoc Dung**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

During the past 20 years of diplomatic normalization established by both countries, Vietnam-U.S. relations have been increasingly enhanced and broadened in basis of mutual interests and long-time strategies. In addition to economic, commercial, cultural, educational, scientific-technological achievements and those in solving war aftermaths, the defense-security cooperation between the two countries has got so much more progress.

The paper selected some remarkable aspects of Vietnam-U.S. relations in the past 20 years; especially paying close attention to reasons and dynamics forcing the changes in the bilateral relation regarding defense and security, and to better awareness of similar strategic benefits of the two nations in the complicated fast-changing international context.

Keywords: Vietnam-U.S. relations, diplomatic normalization, military cooperation, Bien Dong issues (East Sea issues), POW/MIA

¹² BBC tiếng Việt, ngày 6/3/2015, Mỹ sẵn sàng tiếp sức cho Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Robert G. Sutter, *Quan hệ Việt – Mỹ: cuộc thảo luận về bình thường hóa* (trong t/c *Dịch vụ nghiên cứu* ngày 12/5/1992 của Quốc hội Mỹ. Tài liệu tham khảo TTXVN, *Quan hệ Việt – Mỹ*, số 7/1993, tr. 4-6.
- [2]. Tuyên bố của thủ tướng Võ Văn Kiệt về việc tổng thống Bin Clin-ten quyết định bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, t/c *Châu Mỹ ngày nay*, số 2/1995, tr. 4-5.
- [3]. TTXVN, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 197, ngày 10/8/1995, tr. 3-4.
- [4]. Thư của thượng nghị sỹ Mỹ J.B Johnston gửi giám đốc Cục điều tra Liên bang Mỹ, ngày 11/3/1996; dẫn theo *Tuần báo Quốc tế*, số 14, từ 3-9/4/1996.
- [5]. Báo *Nhân Dân*, ngày 9/10/1998.
- [6]. Báo *Tuổi Trẻ*, ngày 2/4/1996.
- [7]. Ngoại giao Việt Nam, CTQG, HN. 2002, tr. 354.
- [8]. *Tuần báo quốc tế*, số 29, từ 17-23/7/1996.
- [9]. Murray Hiebert, Phuong Nguyen, Gregory B. Poling, *A New Era in U.S – Vietnam Relation*, A Report of the CSIS Sumitro Chair for Southeast Asia Studies, June 2014, p.12.
- [10]. U S. Embassy in Hanoi, U S - Vietnam Relations, chronology
- [11]. U S. Embassy in Hanoi...(tlđđ)
- [12]. U S. Embassy in Hanoi.....(tlđđ)
- [13]. U.S Department of State, Bureau of East Asian and Pacific affairs “ *U.S Relations with Vietnam*” Facts Sheet, Feb 2014, <http://www.state.gov/r/pa/ei/bgn/4130.htm>
- [14]. Southeast Asia: the Reemergence of the South China Sea Issue, in *East Strategic Review* 2011, The National Institute for Defense Studies, Japan, 2011, pp. 20-21
- [15]. U.S Department of Defense, “Joint Press Briefing with Secretary Panetta and Vietnam Minister of Defense Gen .Phung Quang Thanh from Hanoi, Vietnam”, June 4, 2012; <http://www.defense.gov/transcripts/transcript.aspx?transcriptid=5052>.
- [16]. White House, Joint Statement by President Barack Obama of the United States of America and President Truong Tan Sang of the Socialist Republic of Vietnam, July 25, 2013; <http://www.whitehouse.gov/the-press-office/2013/07/25>.
- [17]. Gregory B. Polling, Phuong Nguyen, *Kerry visits Vietnam and Philippines*, in CSIS Critical Question, Dec. 19, 2013.
- [18]. U.S Department of State, Bureau of East Asian and Pacific Affairs , *Lower Mekong Initiative*, <http://www.state.gov/p/eap/Mekong/>.
- [19]. U.S Department of State, Third Friends of the Lower Mekong Ministerial Meeting Bandar Seri Begawan, Brunei Darussalam Joint Ministerial Statement, July 1, 2013; <http://www.gov.r/pa/prs/ps/2013/07/211393.htm>.
- [20]. BBC tiếng Việt, ngày 6/3/2015, Mỹ sẵn sàng tiếp sức cho Việt Nam.